

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương đảm bảo quỹ tiền lương cho các phòng, ban ngành, hội đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các phường trên địa bàn quận (Đợt 1 - năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương đảm bảo quỹ tiền lương cho các đơn vị dự toán thuộc quận (Đợt 1 - năm 2024), số tiền: 22.443.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng). Gồm:

- Khối phòng ban, ngành, hội đoàn thể: 2.855.000.000 đồng.
- Khối phường: 6.625.000.000 đồng.
- Khối trường học công lập: 12.963.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

*Nguồn kinh phí: Trích từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2024 của quận Long Biên.

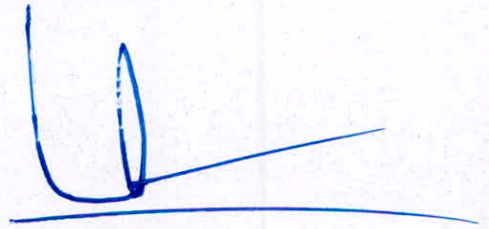
Điều 2. Các đơn vị được giao bổ sung kinh phí ghi tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách năm 2024 theo quy định; Sử dụng kinh phí để đảm bảo quỹ tiền lương năm 2024 (*Chi lương và các khoản thanh toán cho cá nhân*) theo đúng chế độ quy định của Nhà nước; Trường hợp kinh phí không sử dụng hết thì thực hiện chuyển nguồn sang năm 2025, không được sử dụng cho mục đích khác; Quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND & UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT HĐND-UBND quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.(80b).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ ĐẢM BẢO QUỸ LƯƠNG
ĐỢT 1-NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: **343**/QĐ-UBND ngày **29**/01/2024 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
TỔNG CỘNG (=A+B+C)		22.443.000	
A	KHỐI PHÒNG BAN, NGÀNH, HỘI ĐOÀN THỂ	2.855.000	
I	KHỐI PHÒNG BAN	1.835.000	
1	Văn phòng HĐND-UBND quận	270.000	
2	Phòng Tài nguyên và môi trường	140.000	
3	Phòng Quản lý đô thị	135.000	
4	Phòng Kinh tế	75.000	
5	Phòng Văn hóa và thông tin	70.000	
6	Phòng Nội vụ	115.000	
7	Phòng LĐTĐ&XH quận	80.000	
8	Phòng Giáo dục - Đào tạo	160.000	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	105.000	
10	Phòng Tư pháp	65.000	
11	Thanh tra quận	80.000	
12	Phòng Y tế	75.000	
13	Đội quản lý trật tự đô thị Long Biên	465.000	
II	KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI	1.020.000	
1	Văn phòng Quận ủy	625.000	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95.000	
3	Quận đoàn	55.000	
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	85.000	
5	Hội Cựu chiến binh	35.000	
6	Hội Chữ thập đỏ	30.000	
7	Hội Người mù	25.000	
8	Trung tâm chính trị quận	70.000	
B	KHỐI PHƯỜNG	6.625.000	
1	Phường Việt Hưng	476.000	
2	Phường Giang Biên	486.000	
3	Phường Bồ Đề	572.000	
4	Phường Long Biên	463.000	
5	Phường Sài Đồng	438.000	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
6	Phường Phúc Lợi	386.000	
7	Phường Ngọc Lâm	460.000	
8	Phường Đức Giang	564.000	
9	Phường Ngọc Thụy	597.000	
10	Phường Phúc Đồng	421.000	
11	Phường Thượng Thanh	507.000	
12	Phường Thạch Bàn	489.000	
13	Phường Cự Khối	375.000	
14	Phường Gia Thụy	391.000	
C	KHỐI TRƯỜNG HỌC	12.963.000	
I	Khối Mầm non	205.000	
1	Mầm non Nguyệt Quế	165.000	
2	Mầm non Hoa Trạng Nguyên	40.000	
II	Khối Tiểu học	12.385.000	
1	Tiểu học Ái Mộ A	395.000	
2	Tiểu học Ái Mộ B	590.000	
3	Tiểu học Bồ Đề	410.000	
4	Tiểu học Cự Khối	370.000	
5	Tiểu học Đoàn Kết	420.000	
6	Tiểu học Đoàn Khuê	355.000	
7	Tiểu học ĐT Việt Hưng	520.000	
8	Tiểu học Đức Giang	525.000	
9	Tiểu học Gia Quất	270.000	
10	Tiểu học Gia Thượng	360.000	
11	Tiểu học Gia Thụy	770.000	
12	Tiểu học Giang Biên	295.000	
13	Tiểu học Lê Quý Đôn	370.000	
14	Tiểu học Long Biên	560.000	
15	Tiểu học Lý Thường Kiệt	310.000	
16	Tiểu học Ngô Gia Tự	535.000	
17	Tiểu học Ngọc Lâm	660.000	
18	Tiểu học Ngọc Thụy	640.000	
19	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	270.000	
20	Tiểu học Phúc Đồng	405.000	
21	Tiểu học Phúc Lợi	385.000	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
22	Tiểu học Sài Đồng	480.000	
23	Tiểu học Thạch Bàn A	300.000	
24	Tiểu học Thạch Bàn B	390.000	
25	Tiểu học Thanh Am	390.000	
26	Tiểu học Thượng Thanh	525.000	
27	Tiểu học Việt Hưng	440.000	
28	Tiểu học Vũ Xuân Thiều	445.000	
III	Trường khuyết tật	373.000	
1	Trường PTCS Hy Vọng	373.000	